

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
**ĐẠI HỌC CẦN THƠ**

**DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP KHÔNG HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC  
VÀ NGÀNH PHÙ HỢP CÓ HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC TRƯỚC KHI  
DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2026 ĐỢT 1**  
(Đính kèm Thông báo số 191/TB-KSDH ngày 16 tháng 01 năm 2026 Đại học Cần Thơ)

| TT | Ngành dự tuyển<br>Thạc sĩ                      | Ngành đại học phù hợp<br>KHÔNG HỌC BSKT                                                                                                                            | Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC BỔ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                           |
|----|------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                |                                                                                                                                                                    | Tên ngành đại học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC                                                                                                                                                                     |
| 1  | Bảo vệ thực vật<br>(Định hướng nghiên cứu)     | Bảo vệ thực vật                                                                                                                                                    | <b>Nhóm 1</b><br>Khoa học cây trồng/Trồng trọt, Nông học, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Khoa học đất, Quản lý đất và công nghệ phân bón, Khuyến nông, Phát triển nông thôn, Di truyền và chọn giống cây trồng, Nông nghiệp sạch, Nông nghiệp công nghệ cao, Phân bón và dinh dưỡng cây trồng, Kinh tế nông nghiệp, Lâm sinh, Lâm học, Sinh học ứng dụng.<br><b>Nhóm 2</b><br>Công nghệ sinh học, Sinh học, Sư phạm Sinh học | <b>Nhóm 1: 3TC</b><br>1. Hóa bảo vệ thực vật, NN138, 3TC<br><br><b>Nhóm 2: 9TC</b><br>1. Hóa bảo vệ thực vật, NN138, 3TC<br>2. Bệnh hại cây trồng 1, NS293, 3TC<br>3. Côn trùng hại cây trồng, NS301, 3TC |
| 2  | Bệnh học thủy sản<br>(Định hướng nghiên cứu)   | Bệnh học thủy sản<br>Nuôi trồng thủy sản                                                                                                                           | Quản lý thủy sản, Nông học, Công nghệ sinh học, Thú y, Chăn nuôi, Sinh học, Sinh thái học, Vi sinh vật học.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1. Nguyên lý và kỹ thuật chẩn đoán bệnh thủy sản, TS326, 3TC<br>2. Nuôi trồng thủy sản, TS166, 2TC<br>3. Quản lý dịch bệnh thủy sản, TS305, 3TC                                                           |
| 3  | Công nghệ thông tin<br>(Định hướng nghiên cứu) | Hệ thống thông tin, Công nghệ thông tin/Tin học, An toàn thông tin, Khoa học máy tính, Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu, Kỹ thuật phần mềm, Khoa học dữ liệu. | Kỹ thuật máy tính, Công nghệ kỹ thuật máy tính, Sư phạm Tin học, Toán tin, Hệ thống thông tin quản lý, Thương mại điện tử, Truyền thông đa phương tiện, Quản lý thông tin.                                                                                                                                                                                                                                                        | 1. Lập trình hướng đối tượng, CT176, 3TC<br>2. Phân tích thiết kế thuật toán, CT174, 3TC                                                                                                                  |

| TT | Ngành dự tuyển<br>Thạc sĩ                      | Ngành đại học phù hợp<br>KHÔNG HỌC BSKT                                  | Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC BỔ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                 |
|----|------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                |                                                                          | Tên ngành đại học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC                                                                                                                           |
| 4  | Công nghệ sinh học<br>(Định hướng nghiên cứu)  | Công nghệ sinh học, Kỹ thuật sinh học, Sinh học ứng dụng.                | Sinh học, Sư phạm Sinh học, Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp, Sư phạm Khoa học Tự nhiên, Công nghệ thực phẩm, Kỹ thuật thực phẩm, Công nghệ sau thu hoạch, Công nghệ chế biến thủy sản, Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm, Khoa học môi trường, Nông nghiệp, Khuyến nông, Khoa học đất, Chăn nuôi, Nông học, Khoa học cây trồng/Trồng trọt, Bảo vệ thực vật, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Nuôi trồng thủy sản, Bệnh học thủy sản, Khoa học thủy sản, Thú y, Dược học, Hóa dược, Dinh dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật y sinh. | 1. Sinh học phân tử, CS102, 3TC                                                                                                                                 |
| 5  | Công nghệ thực phẩm<br>(Định hướng nghiên cứu) | Công nghệ thực phẩm                                                      | Công nghệ sau thu hoạch, Công nghệ chế biến thủy sản, Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm, Kỹ thuật thực phẩm, Sinh học, Sinh học ứng dụng, Công nghệ sinh học, Công nghệ kỹ thuật hóa học.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1. Hóa học thực phẩm, NS318, 3TC                                                                                                                                |
| 6  | Chăn nuôi<br>(Định hướng nghiên cứu)           | Chăn nuôi, Chăn nuôi - Thú y, Thú y, Công nghệ giống vật nuôi.           | Nông học, Sư phạm Sinh học, Công nghệ sinh học, Sinh học ứng dụng, Khuyến nông, Phát triển nông thôn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1. Dinh dưỡng gia súc, NN547, 3TC                                                                                                                               |
| 7  | Chính sách công<br>(Định hướng nghiên cứu)     | Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Khoa học quản lý, Quản lý công. | <b>Nhóm 1:</b> Quản lý nhà nước, Xã hội học, Báo chí, Quan hệ công chúng, Chính trị học, Hệ thống thông tin quản lý, Quan hệ lao động, Quản lý dự án.<br><b>Nhóm 2:</b> Kinh tế nông nghiệp, Kinh doanh nông nghiệp, Kinh tế, Luật, Kinh tế chính trị, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Quản trị văn phòng, Quản trị nhân lực, Phát triển nông thôn.                                                                                                                                                                                         | <b>Nhóm 1: 6TC</b><br>1. Nguyên lý thống kê kinh tế, KT108, 3TC<br>2. Kinh tế vĩ mô 1, KT102, 3TC<br><br><b>Nhóm 2: 3TC</b><br>1. Khoa học quản lý (ML360, 3TC) |





| TT | Ngành dự tuyển<br>Thạc sĩ                                                                                                                                                  | Ngành đại học phù hợp<br>KHÔNG HỌC BSKT                                                                                                                                                                           | Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC BỔ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                              |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                   | Tên ngành đại học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC                                                                                                        |
| 8  | Di truyền và chọn giống<br>cây trồng<br>(Định hướng nghiên cứu)                                                                                                            | Nông học, Sinh học ứng dụng                                                                                                                                                                                       | Bảo vệ thực vật, Công nghệ rau hoa quả cảnh quan, Khoa học cây trồng/Trồng trọt, Nông nghiệp, Khuyến nông, Sinh học, Sư phạm sinh học, Công nghệ sinh học.                                                                                                                                                                                                                         | 1. Chọn giống cây trồng, NN373E, 2TC<br>2. Công nghệ sinh học trong nông nghiệp NN375, 2TC                                                   |
| 9  | Hệ thống nông nghiệp<br>(Định hướng nghiên cứu)                                                                                                                            | Nông học<br>Khoa học cây trồng/Trồng trọt                                                                                                                                                                         | Khuyến nông, Chăn nuôi, Bảo vệ thực vật, Nuôi trồng thủy sản, Kinh doanh nông nghiệp, Kinh tế nông nghiệp, Phát triển nông thôn, Quản lý đất đai, Công nghệ thông tin/Tin học.                                                                                                                                                                                                     | 1. Thổ nhưỡng B, NN131, 2 TC<br>2. Hệ thống tưới tiêu, NN450, 2 TC<br>3. Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp, PD217, 3TC                       |
| 10 | Hệ thống nông nghiệp<br>Chuyên ngành: Biến đổi khí<br>hậu và nông nghiệp nhiệt<br>đới bền vững<br>(Định hướng nghiên cứu)<br><br>*Chuyên ngành thuộc Dự<br>án ODA Nhật Bản | Nông học<br>Khoa học cây trồng/Trồng trọt                                                                                                                                                                         | Khuyến nông, Chăn nuôi, Bảo vệ thực vật, Nuôi trồng thủy sản, Kinh doanh nông nghiệp, Kinh tế nông nghiệp, Phát triển nông thôn, Quản lý đất đai, Nông nghiệp, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Sinh học ứng dụng, Công nghệ sinh học, Khoa học môi trường, Khoa học đất, Lâm sinh, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Kỹ thuật tài nguyên nước, Quản lý tài nguyên và môi trường. | 1. Biến đổi khí hậu và sử dụng đất, NN539, 2TC<br>2. Phân tích an ninh lương thực, PD119, 3TC<br>3. Nông nghiệp sạch và bền vững, NN286, 2TC |
| 11 | Hệ thống thông tin<br>(Định hướng ứng dụng)                                                                                                                                | Hệ thống thông tin, Công nghệ thông tin/Tin học, An toàn thông tin, Khoa học máy tính, Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu, Kỹ thuật phần mềm, Khoa học dữ liệu, Trí tuệ nhân tạo, Công nghệ kỹ thuật máy tính. | Kỹ thuật máy tính, Công nghệ kỹ thuật máy tính, Sư phạm Tin học, Toán tin, Hệ thống thông tin quản lý, Thương mại điện tử, Truyền thông đa phương tiện, Quản lý thông tin.                                                                                                                                                                                                         | 1. Lập trình căn bản A, CT101, 3TC<br>2. Phân tích và thiết kế hệ thống, CT296, 3TC                                                          |
| 12 | Hóa học<br>(Định hướng nghiên cứu)                                                                                                                                         | Hóa học                                                                                                                                                                                                           | Hóa dược, Sư phạm hóa học, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Công nghệ thực phẩm, Công nghệ sinh học, Kỹ thuật vật liệu, Dược học.                                                                                                                                                                                                                                                       | 1. Hóa học đại cương 2, TN102, 3 TC                                                                                                          |

| TT | Ngành dự tuyển<br>Thạc sĩ                          | Ngành đại học phù hợp<br>KHÔNG HỌC BSKT                                                                                                           | Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC BỔ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                    |
|----|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
|    |                                                    |                                                                                                                                                   | Tên ngành đại học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC                              |
| 13 | Hóa hữu cơ<br>(Định hướng nghiên cứu)              | Hóa học, Sư phạm hóa học,<br>Hóa dược, Công nghệ kỹ<br>thuật hóa học.                                                                             | Công nghệ thực phẩm, Dược học.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1. Hóa hữu cơ 2, TN249, 3 TC                                       |
| 14 | Hóa lý thuyết và hóa lý<br>(Định hướng nghiên cứu) | Hóa học, Sư phạm hóa học,<br>Hóa dược, Công nghệ kỹ<br>thuật hóa học, Kỹ thuật<br>hóa học.                                                        | Công nghệ thực phẩm, Dược học .                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1. Hóa đại cương 1, TN101, 2 TC<br>2. Hóa đại cương 2, TN102, 3 TC |
| 15 | Kinh tế học<br>(Định hướng ứng dụng)               | Kinh tế, Kinh tế chính trị,<br>Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát<br>triển, Kinh tế quốc tế,<br>Thống kê kinh tế, Toán kinh<br>tế, Kinh tế nông nghiệp. | Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế tài nguyên<br>thiên nhiên, Quản trị kinh doanh, Marketing,<br>Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh<br>doanh thương mại, Thương mại điện tử,<br>Kinh doanh thời trang và dệt may, Tài chính<br>- ngân hàng, Kế toán, Kiểm toán, Hệ thống<br>thông tin quản lý, Quản trị nhân lực, Bảo<br>hiểm, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành,<br>Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và<br>dịch vụ ăn uống, Kinh tế công nghiệp, Kinh<br>tế gia đình, Kinh tế vận tải, Khoa học quản<br>lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ<br>thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng,<br>Quan hệ lao động, Quản lý dự án, Thống kê,<br>Quản lý công nghiệp, Logistics và Quản lý<br>chuỗi cung ứng, Kinh tế xây dựng, Quản lý<br>xây dựng, Quản lý đất đai, Quản lý tài<br>nguyên và môi trường, Kinh doanh nông<br>nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng, Quản lý<br>thủy sản. | 1. Kinh tế công cộng: KT114, 3TC                                   |





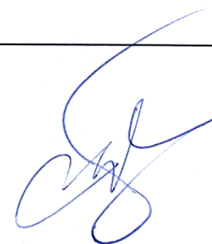
| TT | Ngành dự tuyển<br>Thạc sĩ                      | Ngành đại học phù hợp<br>KHÔNG HỌC BSKT | Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC BỔ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                         |
|----|------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                |                                         | Tên ngành đại học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC                                   |
| 16 | Kinh tế nông nghiệp<br>(Định hướng nghiên cứu) | Kinh tế nông nghiệp<br>Kinh tế học      | Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Quản trị kinh doanh, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Kinh doanh thời trang và dệt may, Tài chính - ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị nhân lực, Bảo hiểm, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế quốc tế, Kinh tế công nghiệp, Kinh tế đầu tư, Kinh tế gia đình, Kinh tế vận tải, Kinh tế phát triển, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Khoa học quản lý, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quan hệ lao động, Quản lý dự án, Thống kê, Quản lý công nghiệp, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Kinh tế xây dựng, Quản lý xây dựng, Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên và môi trường, Kinh tế số, Quản lý nhà nước, Kinh doanh xuất bản phẩm, Công nghệ tài chính, Quản trị văn phòng, Thống kê, Quản lý đô thị và công trình, Kinh doanh nông nghiệp, Phát triển nông thôn, Nông nghiệp, Khuyến nông, Khoa học đất, Chăn nuôi, Nông học, Khoa học cây trồng/Trồng trọt, Bảo vệ thực vật, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Quản lý tài nguyên rừng, Nuôi trồng thủy sản, Khai thác thủy sản, Quản lý thủy sản, Thú y. | 1. Kinh tế nông nghiệp, KT318, 3 TC<br>2. Kinh tế sản xuất, KT304, 3 TC |

| TT | Ngành dự tuyển<br>Thạc sĩ                                   | Ngành đại học phù hợp<br>KHÔNG HỌC BSKT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC BỔ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                             |
|----|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Tên ngành đại học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC                                       |
| 17 | Kỹ thuật cơ khí<br>(Định hướng nghiên cứu)                  | Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật cơ khí động lực, Kỹ thuật ô tô, Kỹ thuật cơ điện tử, Kỹ thuật tàu thủy, Kỹ thuật nhiệt, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Công nghệ kỹ thuật ô tô, Công nghệ chế tạo máy, Công nghệ Kỹ thuật cơ điện tử, Công nghệ kỹ thuật nhiệt, Công nghệ kỹ thuật tàu thủy, Cơ khí nông nghiệp/Cơ khí, Cơ khí chế tạo máy/Cơ khí chế biến/Cơ khí giao thông. | Kỹ thuật in, Kỹ thuật công nghiệp, Kỹ thuật hệ thống công nghiệp, Cơ kỹ thuật, Bảo dưỡng công nghiệp.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1. Cơ sở thiết kế máy, CN145, 3TC<br>2. Công nghệ chế tạo máy 1, CN387, 3TC |
| 18 | Kỹ thuật điện<br>(Định hướng ứng dụng)                      | Kỹ thuật điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Kỹ thuật điện tử - viễn thông, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật cơ điện tử, Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, Vật lý kỹ thuật.                                                                                                                                                                                                                                                        | 1. Giải tích hệ thống điện, KC330, 3TC                                      |
| 19 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa<br>(Định hướng ứng dụng) | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật y sinh.                                                                                                                                                                                                                                                                  | Kỹ thuật cơ điện tử, Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật cơ khí động lực, Kỹ thuật ô tô, Kỹ thuật nhiệt, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật điện tử - viễn thông, Kỹ thuật máy tính, Kỹ thuật y sinh, Kỹ thuật phần mềm, Trí tuệ nhân tạo, Công nghệ thông tin/Tin học, Khoa học máy tính, Công nghệ kỹ thuật máy tính, Kỹ thuật hệ thống công nghiệp Vật lý kỹ thuật, Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Công nghệ chế tạo máy, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Công nghệ kỹ thuật ô tô, Công nghệ kỹ thuật nhiệt. | 1. Lý thuyết điều khiển tự động, CT377, 3TC                                 |
| 20 | Kỹ thuật hóa học<br>(Định hướng nghiên cứu)                 | Công nghệ kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật vật liệu, Công nghệ vật liệu.                                                                                                                                                                                                                                                                                | Sư phạm hóa học, Hóa học, Hóa dược, Công nghệ thực phẩm, Kỹ thuật thực phẩm, Kỹ thuật vật liệu kim loại, Kỹ thuật môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1. Truyền khối – CNHH: CN561, 3TC                                           |



| TT | Ngành dự tuyển<br>Thạc sĩ                                   | Ngành đại học phù hợp<br>KHÔNG HỌC BSKT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC BỔ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|----|-------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Tên ngành đại học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 21 | Kỹ thuật môi trường<br>(Định hướng nghiên cứu)              | Kỹ thuật môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Công nghệ kỹ thuật hóa học, Công nghệ môi trường, Kỹ thuật vật liệu, Kỹ thuật vật liệu kim loại, Kỹ thuật dệt, Khoa học môi trường, Quản lý tài nguyên và môi trường, Kỹ thuật tài nguyên nước, Kỹ thuật cấp thoát nước, Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình thủy.                                                                                                                     | 1. Công nghệ môi trường, MT161, 2TC<br>2. Vi sinh môi trường, MT421, 2TC<br>3. Hoá môi trường ứng dụng, MT150, 2TC                                                                                                                                                                                                     |
| 22 | Kỹ thuật phần mềm -<br>ngành mới<br>(Định hướng nghiên cứu) | Kỹ thuật phần mềm, Khoa học máy tính, Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu, Hệ thống thông tin, Trí tuệ nhân tạo, Công nghệ thông tin/Tin học, An toàn thông tin.                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Kỹ thuật máy tính, Công nghệ kỹ thuật máy tính, Sư phạm Tin học, Hệ thống thông tin quản lý, Thương mại điện tử, Truyền thông đa phương tiện, Quản lý thông tin, Khoa học dữ liệu, Khoa học tính toán, Toán tin.                                                                                                                                                                                   | 1. Nhập môn công nghệ phần mềm, CT113, 2TC<br>2. Lập trình căn bản A, CT101, 4TC                                                                                                                                                                                                                                       |
| 23 | Kỹ thuật xây dựng<br>(Định hướng nghiên cứu)                | Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình thủy, Kỹ thuật xây dựng công trình biển, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Địa kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật tài nguyên nước, Kỹ thuật cấp thoát nước, Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Công nghệ kỹ thuật giao thông, Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Kỹ thuật công trình xây dựng, Thủy công đồng bằng, Công trình nông thôn. | <b>Nhóm 1:</b><br>Kiến trúc, Kiến trúc cảnh quan, Kiến trúc nội thất, Kiến trúc đô thị, Quy hoạch vùng và đô thị, Quản lý đô thị và công trình, Thiết kế nội thất, Bảo tồn di sản kiến trúc - đô thị, Đô thị học, Kinh tế xây dựng, Quản lý xây dựng, Công nghệ kỹ thuật kiến trúc.<br><b>Nhóm 2:</b><br>Kỹ thuật môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng. | <b>Nhóm 1: 7TC</b><br>1. Cơ học kết cấu, CN154, 3TC<br>2. Kết cấu bê tông cốt thép - Phần công trình dân dụng, KC171, 2TC<br>3. Kết cấu thép nhà công nghiệp, CN328, 2TC<br><br><b>Nhóm 2: 4TC</b><br>1. Kết cấu bê tông cốt thép - Phần công trình dân dụng, KC171, TC<br>2. Kết cấu thép nhà công nghiệp, CN328, 2TC |

| TT | Ngành dự tuyển<br>Thạc sĩ                                                                      | Ngành đại học phù hợp<br>KHÔNG HỌC BSKT                                                                                           | Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC BỔ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                              |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                                |                                                                                                                                   | Tên ngành đại học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC                                                                                                        |
| 24 | Kỹ thuật xây dựng công trình thủy<br>(Định hướng nghiên cứu)                                   | Kỹ thuật xây dựng công trình thủy, Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kỹ thuật xây dựng công trình biển. | Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Địa kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật tài nguyên nước, Kỹ thuật cấp thoát nước, Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Công nghệ kỹ thuật giao thông, Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Kỹ thuật môi trường, Kinh tế xây dựng, Quản lý xây dựng, Quản lý tài nguyên và môi trường.                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1. Thủy lực công trình, CN124, 2TC<br>2. Thủy công, CN315, 3TC                                                                               |
| 25 | Khoa học cây trồng<br>(Định hướng nghiên cứu)                                                  | Khoa học cây trồng/Trồng trọt                                                                                                     | Nông học, Bảo vệ thực vật, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Công nghệ sinh học, Khoa học đất, Nông nghiệp, Khuyến nông, Phát triển nông thôn, Kinh doanh nông nghiệp, Kinh tế nông nghiệp, Sinh học ứng dụng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1. Cây lúa, NN369, 2TC<br>2. Cây ăn trái, NN361, 2TC                                                                                         |
| 26 | Khoa học cây trồng<br>Chuyên ngành: Kỹ thuật nông nghiệp thông minh<br>(Định hướng nghiên cứu) | Khoa học cây trồng/Trồng trọt<br>Bảo vệ thực vật, Nông học                                                                        | Khuyến nông, Kinh doanh nông nghiệp, Kinh tế nông nghiệp, Phát triển nông thôn, Quản lý đất đai, Nông nghiệp, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Sinh học ứng dụng, Công nghệ sinh học, Khoa học môi trường, Khoa học đất, Lâm sinh. Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Kỹ thuật tài nguyên nước, Công nghệ sau thu hoạch, Quản lý tài nguyên và môi trường. Kỹ thuật cấp thoát nước, Kỹ thuật xây dựng công trình thủy, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Công nghệ thông tin/Tin học, Khoa học máy tính, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Kỹ thuật máy tính, Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật vật liệu, Kỹ thuật hóa học. | 1. Trồng trọt đại cương, NN140, 3TC.<br>2. Ứng dụng cơ giới hóa trong nông nghiệp, NS402, 2TC.<br>3. Quan hệ đất nước cây trồng, NN491, 2TC. |



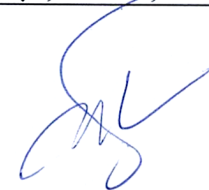


| TT | Ngành dự tuyển<br>Thạc sĩ                      | Ngành đại học phù hợp<br>KHÔNG HỌC BSKT                                                                                                                                                                | Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC BỔ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                             |
|----|------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                |                                                                                                                                                                                                        | Tên ngành đại học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC                                                                                                                                       |
| 27 | Khoa học đất<br>(Định hướng nghiên cứu)        | Khoa học đất                                                                                                                                                                                           | <p><b>Nhóm 1:</b> Khoa học cây trồng/Trồng trọt, Bảo vệ thực vật, Nông học, Quản lý đất đai, Khoa học môi trường, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Nông nghiệp, Phát triển nông thôn, Khuyến nông.</p> <p><b>Nhóm 2:</b> Lâm sinh, Lâm học, Lâm học đô thị, Quản lý tài nguyên rừng, Kinh tế nông nghiệp, Kinh doanh nông nghiệp, Sinh học, Công nghệ sinh học, Sinh học ứng dụng, Sư phạm sinh học, Vi sinh vật học, Kỹ thuật tài nguyên nước, Kỹ thuật môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp, Quản lý tài nguyên và môi trường, Kỹ thuật trắc địa – Bản đồ, Sư phạm hóa học, Công nghệ kỹ thuật hóa học.</p> | <p><b>Nhóm 1: 3TC</b><br/>Phi nhiều đất, NN542, 3TC/Thổ nhưỡng A, NN230, 3TC</p> <p><b>Nhóm 2: 6TC</b><br/>1. Phi nhiều đất, NN542, 3TC<br/>2. Thổ nhưỡng A, NN230, 3TC</p> |
| 28 | Khoa học máy tính<br>(Định hướng nghiên cứu)   | Khoa học máy tính Hệ thống thông tin, Công nghệ thông tin/Tin học, An toàn thông tin, Khoa học máy tính, Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu, Kỹ thuật phần mềm, Khoa học dữ liệu, Trí tuệ nhân tạo. | Kỹ thuật máy tính, Công nghệ kỹ thuật máy tính, Sư phạm Tin học, Toán tin, Lý tin, Toán ứng dụng, Hệ thống thông tin quản lý, Thương mại điện tử, Truyền thông đa phương tiện, Quản lý thông tin.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <p>1. Lập trình hướng đối tượng, CT176, 3TC</p> <p>2. Phân tích thiết kế thuật toán, CT174, 3TC</p>                                                                         |
| 29 | Khoa học môi trường<br>(Định hướng nghiên cứu) | Khoa học môi trường                                                                                                                                                                                    | Khoa học đất, Kỹ thuật môi trường, Quản lý tài nguyên và môi trường, Kỹ thuật tài nguyên nước, Quản lý đất đai, Sinh thái học, Công nghệ sinh học, Địa lý môi trường, Quản lý công nghiệp, Sinh học, Hóa học, Khí tượng thủy văn, Khoa học vật liệu, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Công nghệ môi trường, Hải dương học, Lâm sinh, Nông nghiệp, Đô thị học, Kỹ thuật cấp thoát nước – Môi trường nước, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Nuôi trồng thủy sản.                                                                                                                                                                                         | <p>1. Cơ sở khoa học môi trường: MT107, 2TC</p> <p>2. Hóa môi trường ứng dụng: MT150E, 2TC</p> <p>3. Đánh giá chất lượng đất nước, không khí: MT328, 2TC.</p>               |

| TT | Ngành dự tuyển<br>Thạc sĩ                                 | Ngành đại học phù hợp<br>KHÔNG HỌC BSKT                                                                                         | Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC BỔ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|----|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                           |                                                                                                                                 | Tên ngành đại học                                                                                           | Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 30 | Luật<br>(Định hướng nghiên cứu)                           | Luật, Luật kinh tế, Luật hiến pháp và hành chính, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật quốc tế. | Không                                                                                                       | Không                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|    | Luật<br>(Định hướng ứng dụng)                             | Luật, Luật kinh tế, Luật hiến pháp và hành chính, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật quốc tế. | Giáo dục công dân, Quản lý đất đai.                                                                         | 1. Lý luận nhà nước và pháp luật 1, KL101, 2TC<br>2. Luật Hiến pháp 1, KL301, 2TC<br>3. Luật hành chính 1, KL303, 2TC<br>4. Luật hình sự phần chung, KL118, 2TC<br>5. Luật dân sự: chủ thể, tài sản, quyền sở hữu và quyền thừa kế, KL231, 2TC<br>6. Pháp luật thương mại 1, KL131, 2TC<br>7. Công pháp quốc tế, KL375, 3TC |
| 31 | Luật kinh tế<br>(Định hướng ứng dụng)                     | Luật, Luật kinh tế.                                                                                                             | Luật hiến pháp và hành chính, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật quốc tế. | 1. Luật thương mại, KL215, 3TC                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 32 | Lý luận và phương pháp dạy học<br>(Định hướng nghiên cứu) | Các ngành trong nhóm ngành đào tạo giáo viên và khoa học giáo dục.                                                              | Toán học, Toán tin, Vật lý học, Hóa học, Sinh học, Văn học, Lịch sử, Quản lý thể dục thể thao.              | 1. Tâm lý học đại cương, SP009, 2TC<br>2. Giáo dục học, SP079, 3TC<br><i>Trường hợp có Chứng chỉ Nghiệp vụ Sư phạm, có thể xét miễn dựa trên kết quả các học phần:</i><br><i>Chứng chỉ NVSP Đại học (TT12/2013)</i><br>1. Tâm lý học đại cương, 2TC<br>2. Giáo dục học đại cương, 3TC                                       |



| TT | Ngành dự tuyển<br>Thạc sĩ                                                             | Ngành đại học phù hợp<br>KHÔNG HỌC BSKT                           | Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC BỔ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                       |                                                                   | Tên ngành đại học                                                                                                                                                                                                                                                                     | Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 33 | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Giáo dục thể chất )<br>(Định hướng nghiên cứu) | Giáo dục thể chất, Sư phạm Thể dục thể thao, Huấn luyện thể thao. | <b>Nhóm 1:</b><br>Huấn luyện thể thao, Quản lý thể dục thể thao, Y sinh học Thể dục thể thao, Kinh doanh thể thao và tổ chức sự kiện, Giáo dục quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất.<br><b>Nhóm 2:</b><br>Giáo dục học, Công nghệ giáo dục, Quản lý giáo dục, Giáo dục tiểu học. | <b>Nhóm 1: 3TC</b><br>Lý luận và phương pháp thể dục thể thao trường phổ thông, TC199, 3TC<br><br><b>Nhóm 2: 7TC</b><br>1. Lý luận và phương pháp thể dục thể thao trường phổ thông, TC199, 3TC<br>2. Sinh lý học thể dục thể thao, TC126, 3TC<br>3. Lịch sử thể dục thể thao, TC125, 2TC<br>4. Phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao, TC122, 2TC |
| 34 | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)<br>(Định hướng nghiên cứu)          | Sư phạm Tiếng Anh                                                 | Cử nhân Tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh                                                                                                                                                                                                                                                       | 1. Lý luận dạy học ngoại ngữ, FL217, 2TC<br>2. Phương pháp dạy học tiếng Anh, SG196, 2TC<br>3. Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo, SG011, 2TC                                                                                                                                                                                  |
| 35 | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Pháp)<br>(Định hướng ứng dụng)           | Sư phạm Tiếng Pháp                                                | Cử nhân Tiếng Pháp, Ngôn ngữ Pháp                                                                                                                                                                                                                                                     | 1. Lý luận dạy học ngoại ngữ, FL217, 2TC<br>2. Phương pháp dạy học tiếng Pháp, SG336, 2TC<br>3. Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo, SG011, 2TC                                                                                                                                                                                 |

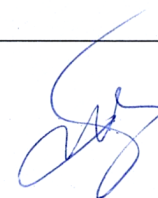






| TT | Ngành dự tuyển<br>Thạc sĩ                                          | Ngành đại học phù hợp<br>KHÔNG HỌC BSKT                                                                         | Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC BỔ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|----|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                    |                                                                                                                 | Tên ngành đại học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 38 | Lý thuyết xác suất và thống kê toán học<br>(Định hướng nghiên cứu) | Toán ứng dụng, Thống kê, Toán tin, Sư phạm toán học, Toán học.                                                  | Thống kê kinh tế, Toán cơ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1. Giải tích hàm, TN191, 3TC                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 39 | Nuôi trồng thủy sản<br>(Định hướng nghiên cứu)                     | Nuôi trồng thủy sản, Bệnh học thủy sản, Quản lý thủy sản.                                                       | <b>Nhóm 1</b><br>Nông học<br><br><b>Nhóm 2</b><br>Công nghệ sinh học, Sinh học, Sinh thái học<br>Phát triển nông thôn, Chăn nuôi, Thú y.                                                                                                                                                                                                    | <b>Nhóm 1: 4TC</b><br>1. Ngr nghiệp đại cương, TS103, 2TC<br>2. Sinh thái thủy sinh vật, TS104, 2TC<br><b>Nhóm 2: 8TC</b><br>1. Dinh dưỡng và thức ăn B, TS118, 2TC<br>2. Dịch bệnh thủy sản, TS337, 2TC<br>3. Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi cá nước ngọt, TS241, 2TC<br>4. Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi giáp xác TS409, 2TC |
| 40 | Ngôn ngữ Anh<br>(Định hướng nghiên cứu)                            | Ngôn ngữ Anh, Cử nhân Tiếng Anh, Cử nhân Anh văn.                                                               | Sư phạm Tiếng Anh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1. Ngôn ngữ học đối chiếu, XH537E, 2TC<br>2. Ngữ nghĩa và ngữ dụng học, XH536E, 3TC                                                                                                                                                                                                                                               |
| 41 | Phát triển nông thôn<br>(Định hướng nghiên cứu)                    | Phát triển nông thôn, Kinh tế nông nghiệp, Kinh doanh nông nghiệp, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Khuyến nông. | Nông học, Khoa học cây trồng/Trồng trọt, Khoa học đất, Chăn nuôi, Bảo vệ thực vật, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Quản lý tài nguyên môi trường, Quản lý thủy sản, Xã hội học, Luật.                                                                                                                                                   | 1. Hệ thống canh tác, NN377, 2TC<br>2. Xã hội học nông thôn, XN347, 3TC                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 42 | Quản lý đất đai<br>(Định hướng nghiên cứu)                         | Quản lý đất đai                                                                                                 | Quản lý tài nguyên và môi trường, Khoa học đất, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Kỹ thuật trắc địa bản đồ, Xây dựng, Luật hành chính, Quy hoạch vùng đô thị, Công nghệ thông tin/Tin học, Hệ thống thông tin, Phát triển nông thôn, Lâm sinh, Kỹ thuật tài nguyên nước, Khoa học môi trường, Bản đồ, viễn thám và hệ thống thông tin địa lý. | 1. Tài nguyên đất đai cương, MT082, 3TC<br>2. Trắc địa đại cương, NN175, 3TC<br>3. Đánh giá đất, NN508, 2TC                                                                                                                                                                                                                       |

| TT | Ngành dự tuyển<br>Thạc sĩ                   | Ngành đại học phù hợp<br>KHÔNG HỌC BSKT | Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC BỔ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                |
|----|---------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
|    |                                             |                                         | Tên ngành đại học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC                          |
| 43 | Quản lý giáo dục<br>(Định hướng nghiên cứu) | Quản lý giáo dục, Giáo dục học          | Các ngành trong nhóm ngành đào tạo giáo viên, Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1. Khoa học quản lý, ML360, 3TC                                |
|    |                                             |                                         | <b>Các nhóm ngành thuộc lĩnh vực</b><br>Nghệ thuật, Nhân văn, Khoa học xã hội và hành vi, Báo chí và thông tin, Kinh doanh và quản lý, Pháp luật, Khoa học sự sống, Khoa học tự nhiên, Toán và thống kê, Máy tính và Công nghệ thông tin/Tin học, Công nghệ kỹ thuật, Kỹ thuật, Sản xuất và chế biến, Kiến trúc và xây dựng, Nông, lâm nghiệp và thủy sản, Thú y, Sức khỏe, Dịch vụ xã hội, Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân, Dịch vụ vận tải, Môi trường và bảo vệ môi trường, An ninh, Quốc phòng. | 1. Giáo dục học, SP079, 3TC<br>2. Khoa học quản lý, ML360, 3TC |



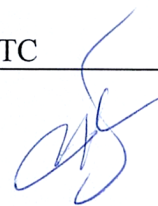


| TT | Ngành dự tuyển<br>Thạc sĩ                                           | Ngành đại học phù hợp<br>KHÔNG HỌC BSKT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC BỔ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ                                                               |                                                                      |
|----|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Tên ngành đại học                                                                                                                     | Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC                                |
| 44 | Quản lý kinh tế<br>(Định hướng nghiên cứu)<br>(Định hướng ứng dụng) | Kinh tế học, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Quản lý kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kinh doanh thương mại, Tài chính – Ngân hàng, Bảo hiểm, Tài chính - Doanh nghiệp, Kế toán, Kiểm toán, Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý khoa học và công nghệ, Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, Quản trị du lịch và lữ hành, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh toàn cầu, Quản trị chuỗi cung ứng, Logistics, Thương mại điện tử, Marketing, Marketing số, Bất động sản, Kinh doanh bất động sản, Kinh tế số, Kinh doanh số, Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Kinh tế sức khỏe, Kinh tế vận tải biển, Kinh tế xây dựng, Quản lý công nghiệp, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Thống kê. | Tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ở tất cả các ngành và chuyên ngành khác và không thuộc các ngành phù hợp không bổ sung kiến thức. | 1. Kinh tế học quản lý, KT284, 2TC<br>2. Kinh tế quốc tế, KT303, 3TC |

| TT | Ngành dự tuyển<br>Thạc sĩ                                                                                                                                        | Ngành đại học phù hợp<br>KHÔNG HỌC BSKT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC BỔ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                        |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Tên ngành đại học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC                                                                                                  |
| 45 | Quản lý tài nguyên và môi trường<br>(Định hướng nghiên cứu)                                                                                                      | Quản lý tài nguyên và môi trường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Quản lý đất đai, Khoa học môi trường, Kỹ thuật môi trường, Sinh thái học, Lâm sinh, Kỹ thuật tài nguyên nước, Kỹ thuật cấp thoát nước, Quy hoạch vùng và đô thị, Phát triển nông thôn, Quản lý công nghiệp, Công nghệ sinh học.                                                                      | 1. Bản đồ học và GIS, CN122, 2TC<br>2. Thống kê phép thí nghiệm môi trường: MT116, 2TC<br>3. Quản lý chất lượng môi trường: MT309, 2TC |
| 46 | Quản lý tài nguyên và môi trường<br>Chuyên ngành: Biến đổi khí hậu và Quản lý đồng bằng<br>(Định hướng nghiên cứu)<br><br>*Chuyên ngành thuộc Dự án ODA Nhật Bản | Quản lý tài nguyên và môi trường, Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Quản lý đất đai, Khoa học môi trường, Kỹ thuật môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng, Khoa học đất Kỹ thuật tài nguyên nước, Kỹ thuật cấp thoát nước, Quy hoạch vùng và đô thị, Khí tượng và khí hậu học, Thủy văn học. | Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình thủy, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Quản lý xây dựng, Vật lý học, Địa lý học, Địa chất học, Phát triển nông thôn, Công nghệ rau quả và cảnh quan, Bảo vệ thực vật, Khoa học cây trồng/Trồng trọt, Kinh tế nông nghiệp, Nông học, Quản lý thủy sản | 1. Bản đồ học và GIS, CN122, 2TC<br>2. Thống kê phép thí nghiệm môi trường, MT116, 2TC                                                 |
| 47 | Quản lý thủy sản<br>(Định hướng nghiên cứu)                                                                                                                      | Quản lý thủy sản/Quản lý nguồn lợi thủy sản/Quản lý nghề cá, Khai thác thủy sản Nuôi trồng thủy sản.                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Bệnh học thủy sản, Nông học, Kinh tế nông nghiệp, Phát triển nông thôn, Quản lý môi trường, Sinh thái học, Công nghệ chế biến thủy sản, Kinh doanh nông nghiệp.                                                                                                                                                                      | 1. Sinh thái thủy sinh vật TS104, 2TC<br>2. Đánh giá và quản lý nguồn lợi thủy sản TS473T, 3TC<br>3. Nuôi trồng thủy sản, TS166, 2TC   |



| TT | Ngành dự tuyển<br>Thạc sĩ                                                                                                                                     | Ngành đại học phù hợp<br>KHÔNG HỌC BSKT                                                                                 | Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC BỔ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                               |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                                                                                               |                                                                                                                         | Tên ngành đại học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC                                                                                                                                                                                                         |
| 48 | Quản lý thủy sản<br>Chuyên ngành: Biến đổi khí hậu và Quản lý tổng hợp thủy sản ven biển<br>(Định hướng nghiên cứu)<br>*Chuyên ngành thuộc Dự án ODA Nhật Bản | Quản lý thủy sản/Quản lý nguồn lợi thủy sản/Quản lý nghề cá, Kinh tế thủy sản, Nuôi trồng thủy sản, Khai thác thủy sản. | Bệnh học thủy sản, Nông học, Kinh tế nông nghiệp, Kinh doanh nông nghiệp, Phát triển nông thôn, Sinh thái học, Công nghệ chế biến thủy sản, Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1. Sinh thái thủy sinh vật TS104, 2TC<br>2. Đánh giá và quản lý nguồn lợi thủy sản TS473T, 3TC<br>3. Nuôi trồng thủy sản, TS166, 2TC                                                                                                          |
| 49 | Quản trị kinh doanh<br>(Định hướng nghiên cứu)                                                                                                                | Quản trị kinh doanh                                                                                                     | Kinh tế, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Kinh doanh nông nghiệp, Kinh tế nông nghiệp, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Kinh tế gia đình, Kinh tế vận tải, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, các ngành thuộc nhóm Kinh doanh, nhóm Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm, nhóm Kế toán – Kiểm toán, nhóm Quản trị - Quản lý                                                                                                                                                                        | 1. Mô phỏng tình huống trong kinh doanh, KT207, 3TC                                                                                                                                                                                           |
|    | Quản trị kinh doanh<br>(Định hướng ứng dụng)                                                                                                                  | Quản trị kinh doanh                                                                                                     | <b>Nhóm 1:</b> Kinh tế, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Kinh doanh nông nghiệp, Kinh tế nông nghiệp, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Kinh tế gia đình, Kinh tế vận tải, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, các ngành thuộc nhóm Kinh doanh, nhóm Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm, nhóm Kế toán – Kiểm toán, nhóm Quản trị - Quản lý.<br><b>Nhóm 2:</b><br>Các ngành thuộc nhóm Máy tính và Công nghệ thông tin/Tin học, nhóm Công nghệ kỹ thuật, nhóm Kỹ thuật, nhóm Kiến trúc và xây dựng. | <b>Nhóm 1: 3TC</b><br>1. Mô phỏng tình huống trong kinh doanh, KT207, 3TC<br><br><b>Nhóm 2: 12TC</b><br>1. Kinh tế vi mô 1, KT101, 3TC<br>2. Kinh tế vĩ mô 1, KT102, 3TC<br>3. Quản trị học, KT103, 3TC<br>4. Tài chính – Tiền tệ, KT111, 3TC |



| TT | Ngành dự tuyển<br>Thạc sĩ                                                 | Ngành đại học phù hợp<br>KHÔNG HỌC BSKT | Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC BỔ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                          |
|----|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                           |                                         | Tên ngành đại học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC                                                                    |
| 50 | Sinh học – ngành mới<br>(Định hướng nghiên cứu)                           | Sinh học, Sư phạm sinh học              | Công nghệ sinh học, Sinh học ứng dụng, Kỹ thuật sinh học, Khoa học môi trường, Quản lý tài nguyên và môi trường.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1. Sinh lý thực vật B, NN129, 2TC<br>2. Sinh lý động vật, SP414, 2TC                                     |
| 51 | Sinh thái học<br>(Định hướng nghiên cứu)                                  | Sinh học, Sư phạm sinh học              | Công nghệ sinh học, Sinh học ứng dụng, Kỹ thuật sinh học, Khoa học môi trường, Quản lý tài nguyên và môi trường.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1. Sinh lý thực vật B, NN129, 2TC<br>2. Sinh lý động vật, SP414, 2 TC                                    |
| 52 | Tài chính – Ngân hàng<br>(Định hướng nghiên cứu)<br>(Định hướng ứng dụng) | Tài chính – Ngân hàng<br>Bảo hiểm       | Kinh tế học, Tâm lý học, Kinh doanh, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị - Quản lý, Luật kinh tế, Khoa học tính toán, Khoa học dữ liệu, Toán ứng dụng, Toán tin, Thống kê, Khoa học máy tính, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Hệ thống thông tin, Công nghệ thông tin/Tin học, Quản lý công nghiệp, Quản lý xây dựng, Kinh tế xây dựng, Kinh doanh nông nghiệp, Kinh tế nông nghiệp, Phát triển nông thôn, Quản lý thủy sản, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Khách sạn, Nhà hàng Kinh tế gia đình, Khai thác vận tải, Kinh tế vận tải, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Quản lý tài nguyên và môi trường. | 1. Kinh tế học ngân hàng, KT249, 3TC<br>2. Tài chính tiền tệ, KT111, 3TC/Quản trị tài chính, KT308, 3TC. |
| 53 | Thú y<br>(Định hướng nghiên cứu)                                          | Thú y                                   | Chăn nuôi, Nông học, Bệnh học thủy sản, Nuôi trồng thủy sản, Công nghệ sinh học.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1. Vi sinh thú y, NS295, 3 TC<br>2. Miễn dịch học, NS119, 3 TC<br>3. Dược lý thú y, NN173, 3TC           |
| 54 | Toán giải tích<br>(Định hướng nghiên cứu)                                 | Toán học                                | Toán ứng dụng, Toán tin, Toán cơ, Thống kê, Khoa học tính toán, Khoa học dữ liệu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1. Giải tích hàm, TN191, 3TC                                                                             |



| TT | Ngành dự tuyển<br>Thạc sĩ                | Ngành đại học phù hợp<br>KHÔNG HỌC BSKT | Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC BỔ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|----|------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                          |                                         | Tên ngành đại học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 55 | Toán ứng dụng<br>(Định hướng nghiên cứu) | Toán ứng dụng                           | <b>Nhóm 1</b><br>Sur phạm Toán học, Sur phạm Toán Tin, Toán học, Toán tin, Khoa học tính toán, Thống kê, Toán cơ, Khoa học dữ liệu<br><b>Nhóm 2</b><br>Khoa học máy tính, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Kỹ thuật máy tính, Trí tuệ nhân tạo, Công nghệ kỹ thuật máy tính, Công nghệ thông tin/Tin học, An toàn thông tin                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>Nhóm 1: 3TC</b><br>1. Giải tích hàm, TN191, 3TC<br><br><b>Nhóm 2: 6TC</b><br>1. Đại số tuyến tính và hình học 2, TN220, 3TC<br>2. Toán rời rạc -TTK, TN347E, 3TC                                                                                                                                                               |
| 56 | Triết học<br>(Định hướng nghiên cứu)     | Triết học                               | <b>Nhóm 1:</b><br>Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tôn giáo học, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn học, Ngữ văn, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Gia đình học, Giáo dục công dân, Giáo dục chính trị, Giáo dục quốc phòng - An ninh, Giáo dục pháp luật, Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Chính trị học, Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế, Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Xã hội học, Nhân học, Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục, Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật, Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình, Quản trị kinh doanh, Hành chính học.<br><b>Nhóm 2:</b><br>- Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, Khu vực học, Báo chí và truyền thông, Thông tin - Thư viện, Quản trị - Quản lý, Nhóm ngành Luật, - Công tác xã hội. | <b>Nhóm 1: 5TC</b><br>1. Chuyên đề Chủ nghĩa duy vật biện chứng, ML349, 2TC<br>2. Chuyên đề lý luận hình thái kinh tế - xã hội, ML351, 3TC<br><br><b>Nhóm 2: 8TC</b><br>1. Chuyên đề Chủ nghĩa duy vật biện chứng, ML349, 2TC<br>2. Chuyên đề lý luận hình thái kinh tế - xã hội, ML351, 3TC<br>3. Lịch sử Triết học, ML115, 3 TC |

| TT | Ngành dự tuyển<br>Thạc sĩ                                  | Ngành đại học phù hợp<br>KHÔNG HỌC BSKT           | Ngành đại học phù hợp CÓ HỌC BỔ sung kiến thức trước khi dự thi Thạc sĩ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                           |
|----|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                            |                                                   | Tên ngành đại học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Học phần học bổ sung, mã số HP, số TC                                                                                                                     |
| 57 | Văn học Việt Nam<br>(Định hướng nghiên cứu)                | Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam, Văn học, Ngữ văn. | Sư phạm ngữ văn, Hán Nôm, Lý luận, lịch sử và phê bình sân khấu, Biên kịch sân khấu, Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình, Sáng tác văn học, Văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam, Ngôn ngữ học, Văn hóa học, Đông phương học, Việt Nam học, Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Quan hệ công chúng.                                                                                                                                                                           | 1. Nguyên lý lý luận văn học, XN216, 3TC<br>2. Tác phẩm và thể loại văn học XN187, 3TC                                                                    |
| 58 | Vật lý kỹ thuật-ngành mới<br>(Định hướng nghiên cứu)       | Vật lý kỹ thuật, Kỹ thuật hạt nhân                | <b>Nhóm 1</b><br>Sư phạm Vật lý, Sư phạm Khoa học Tự nhiên<br><b>Nhóm 2</b><br>Kỹ thuật vật liệu, Khoa học vật liệu, Kỹ thuật máy tính, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Khoa học dữ liệu, Trí tuệ nhân tạo.                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>Nhóm 1: 3TC</b><br>1. Toán cho vật lý, TN267, 3TC<br><b>Nhóm 2: 6TC</b><br>1. Toán cho vật lý, TN267, 3TC<br>2. Nhập môn khoa học vật liệu, TN280, 3TC |
| 59 | Vật lý lý thuyết và vật lý toán<br>(Định hướng nghiên cứu) | Vật lý học, Sư phạm Vật lý, Vật lý kỹ thuật.      | Thiên văn học, Khoa học vật liệu, Vật lý nguyên tử và hạt nhân, Sư phạm Khoa học Tự nhiên, Khoa học tính toán.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1. Cơ học lượng tử ứng dụng 1, TN268, 3TC hoặc Cơ học lượng tử 1, SP589, 3TC                                                                              |
| 60 | Vi sinh vật học<br>(Định hướng nghiên cứu)                 | Sinh học                                          | Công nghệ sinh học, Kỹ thuật sinh học, Sinh học ứng dụng, Sư phạm sinh học, Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp, Sư phạm khoa học tự nhiên, Công nghệ thực phẩm, Kỹ thuật thực phẩm, Công nghệ sau thu hoạch, Công nghệ chế biến thủy sản, Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm, Nông nghiệp, Khuyến nông, Khoa học đất, Chăn nuôi, Nông học, Khoa học cây trồng/Trồng trọt, Bảo vệ thực vật, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Nuôi trồng thủy sản, Bệnh học thủy sản, Khoa học thủy sản, Thú y. | 1. Virus học đại cương, CS108, 2TC<br>2. Phương pháp phân tích vi sinh vật, CS118, 2TC                                                                    |

Cần Thơ ngày 16 tháng 01 năm 2026

